Ký bởi: Ủy ban nhân dân phường Hồng Châu
Cơ quan: Tỉnh Hưng Yên
Thời gian ký: 26/10/2026 08:55:16

PHỤ LỤC SỐ 01

ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

(Kèm theo Tờ trình số 146/TTr-UBND ngày 26/10/2026 của UBND phường Hồng Châu)

ĐVT: đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2026 tại NQ số 24/NQ-HĐND ngày 19/12/2025		Điều chỉnh kỳ này		Dự toán năm 2026 sau điều chỉnh		Ghi chú
		Tổng thu NSNN	Thu NSĐP	Tổng thu NSNN	Thu NSĐP	Tổng thu NSNN	Thu NSĐP	
A	*B*	*1*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*
	TỔNG THU NSNN (I+II+III+IV)	**664.549.000.000**	**506.592.000.000**	**0**	**0**	**358.127.583.263**	**321.087.583.263**	
I	**Thu nội địa**	**487.653.000.000**	**329.696.000.000**	**-377.466.000.000**	**-256.549.000.000**	**110.187.000.000**	**73.147.000.000**	
	Thu từ DNNN trung ương							
	Thu từ DNNN địa phương							
	Thu từ DN có vốn đầu tư nước ngoài							
1	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	850.000.000	850.000.000	0	0	850.000.000	850.000.000	
-	Thuế GTGT	850.000.000	850.000.000			850.000.000	850.000.000	
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	0	-	-	-			
-	Thuế tài nguyên	0	-	-	-			
2	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	500.000.000	500.000.000			500.000.000	500.000.000	
3	Tiền thuê mặt đất, mặt nước	0	-	-	-	-	-	
4	Thu phí và lệ phí	30.000.000	30.000.000			30.000.000	30.000.000	
5	Thu hoa lợi công sản tại xã	480.000.000	480.000.000			480.000.000	480.000.000	
6	Thu khác ngân sách	27.000.000	27.000.000			27.000.000	27.000.000	
7	Thuế thu nhập cá nhân	1.900.000.000	580.000.000			1.900.000.000	580.000.000	
7.1	Chuyển nhượng bất động sản	1.650.000.000	330.000.000		-	1.650.000.000	330.000.000	

STT	Nội dung	Dự toán năm 2026 tại NQ số 24/NQ-HĐND ngày 19/12/2025		Điều chỉnh kỳ này		Dự toán năm 2026 sau điều chỉnh		Ghi chú
		Tổng thu NSNN	Thu NSĐP	Tổng thu NSNN	Thu NSĐP	Tổng thu NSNN	Thu NSĐP	
7.2	Hoạt động sản xuất,kinh doanh của các cá nhân	250.000.000	250.000.000		-	250.000.000	250.000.000	
8	Thu tiền sử dụng đất	477.866.000.000	324.949.000.000	-377.866.000.000	-256.949.000.000	100.000.000.000	68.000.000.000	
8.1	Dự án do phường làm chủ đầu tư	477.866.000.000	324.949.000.000	(377.866.000.000)	(256.949.000.000)	100.000.000.000	68.000.000.000	
9	Lệ phí trước bạ	6.000.000.000	2.280.000.000	0	0	6.000.000.000	2.280.000.000	
-	Lệ phí trước bạ nhà đất	1.600.000.000	960.000.000		-	1.600.000.000	960.000.000	
-	Lệ phí trước bạ ô tô,xe máy, tài sản khác	4.400.000.000	1.320.000.000			4.400.000.000	1.320.000.000	
10	Thu từ các khoản huy động, đóng góp	0	-	400.000.000	400.000.000	400.000.000	400.000.000	
II	**Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên**	**176.896.000.000**	**176.896.000.000**	**17.310.528.000**	**17.310.528.000**	**194.206.528.000**	**194.206.528.000**	
1	Thu bổ sung cân đối ngân sách	152.896.000.000	152.896.000.000		-	152.896.000.000	152.896.000.000	
2	Thu bổ sung có mục tiêu	24.000.000.000	24.000.000.000	17.310.528.000	17.310.528.000	41.310.528.000	41.310.528.000	
III	**Thu chuyển nguồn năm trước chuyển sang**			**53.325.797.246**	**53.325.797.246**	**53.325.797.246**	**53.325.797.246**	
1	Dự toán được cấp bổ sung sau 30/9			4.028.918.800	4.028.918.800	4.028.918.800	4.028.918.800	
2	Dự toán tạm ứng vốn đầu tư công			13.577.224.000	13.577.224.000	13.577.224.000	13.577.224.000	
3	Nguồn cải cách tiền lương,chính sách ASXH; KP được giao tự chủ các đơn vị sự nghiệp công lập; mua sắm hàng hóa, dịch vụ, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp …			7.616.775.889	7.616.775.889	7.616.775.889	7.616.775.889	

STT	Nội dung	Dự toán năm 2026 tại NQ số 24/NQ-HĐND ngày 19/12/2025		Điều chỉnh kỳ này		Dự toán năm 2026 sau điều chỉnh		Ghi chú
		Tổng thu NSNN	Thu NSĐP	Tổng thu NSNN	Thu NSĐP	Tổng thu NSNN	Thu NSĐP	
4	Nguồn tăng thu so với dự toán và dự toán chi còn lại			28.102.878.557	28.102.878.557	28.102.878.557	28.102.878.557	
IV	**Thu kết dư ngân sách**			**408.258.017**	**408.258.017**	**408.258.017**	**408.258.017**	

Ký bởi: Ủy ban nhân dân phường Hồng Châu
Cơ quan: Tỉnh Hưng Yên
Thời gian ký: 26/10/2026 08:55:16

PHỤ LỤC SỐ 02
ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026
(Kèm theo Tờ trình số 146/TTr-UBND ngày 26/10/2026 của UBND phường Hồng Châu)

ĐVT: đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2026 tại NQ số 24/NQ-HĐND ngày 19/12/2025	Điều chỉnh kỳ này	Dự toán năm 2026 sau điều chỉnh	Ghi chú
A	*B*	*1*	*2*	*3*	*4*
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH (A+B+C)	**506.592.000.000**	**-185.504.416.737**	**321.087.583.263**	
A	**CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH PHƯỜNG**	**482.592.000.000**	**-256.540.741.983**	**226.051.258.017**	
I	**Chi đầu tư phát triển**	**320.000.000.000**	**-252.000.000.000**	**68.000.000.000**	
II	**Chi thường xuyên**	**153.129.000.000**	**408.258.017**	**153.537.258.017**	
1	Chi quốc phòng	750.200.000		750.200.000	
2	Chi an ninh	819.000.000		819.000.000	
3	Sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	75.686.000.000		75.686.000.000	
4	Sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	1.227.000.000		1.227.000.000	
5	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	6.781.722.000		6.781.722.000	
6	Sự nghiệp Văn hóa - Thể thao - Truyền thanh (Trung tâm dịch vụ tổng hợp)	1.307.000.000		1.307.000.000	
7	Đảm bảo xã hội	7.086.000.000		7.086.000.000	
8	Sự nghiệp bảo vệ môi trường	1.057.000.000		1.057.000.000	
9	Sự nghiệp kinh tế	21.487.000.000		21.487.000.000	
10	Chi quản lý hành chính	36.161.078.000		36.161.078.000	
11	Chi khác	767.000.000	408.258.017	1.175.258.017	

III	**Dự phòng ngân sách**	**9.463.000.000**	**-4.949.000.000**	**4.514.000.000**	
B	**Chi bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên**	**24.000.000.000**	**17.310.528.000**	**41.310.528.000**	
C	**Chi chuyển nguồn năm trước chuyển sang**		**53.325.797.246**	**53.325.797.246**	
D	**Chi các khoản huy động, đóng góp**		**400.000.000**	**400.000.000**	